

Bản án số: **03/2021/HSST**
Ngày 15-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Thìn

Ông Nguyễn Viết Xứng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Anh T (tên gọi khác: không), sinh năm 1988; Nơi sinh: Nghệ An; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nơi cư trú: Xóm 7, xã T, huyện Y, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: Hiệp Thành 3, Phường H, Thành phố M, tỉnh D; con ông Lê Văn H, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; Bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 1990.

Tiền án: Bị cáo có 04 tiền án: ngày 29/9/2008 bị TAND thị xã H xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (theo bản án số 166/2008/HSST ngày 29/9/2008) bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, đến ngày 18/8/2009 bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản bị TAND thị xã M xử phạt 09 tháng tù (theo bản án số 02/2010/HSST ngày 07/01/2010) đến ngày 20/5/2010 bị cáo chấp hành xong bản án chưa được xóa án tích. Ngày 17/8/2010 bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản nên bị bắt tạm giam, ngày 31/8/2010 bị cáo có hành vi trốn khỏi nơi giam giữ nên bị TAND thị xã M xử phạt 4 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 19/2011/HSST ngày 19/11/2011 và xử phạt 05 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo bản án hình sự số 63/2011/HSST ngày 15/3/2011, bị cáo kháng cáo. Tại bản án phúc thẩm số 75/2011/HHPT ngày 15/6/2011 của TAND tỉnh D giữ nguyên mức án 05 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” và tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 năm tù, đến ngày 18/12/2016 bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam và bắt buộc chữa bệnh từ ngày 31/7/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Ông Th, sinh năm 1995.

Trú tại: Ấp Thuận Phú 2, xã Thuận Phú, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Nguyễn Văn Ngọc Linh, sinh năm 1997.

Trú tại: Ấp Bù Xăng, xã Thuận Phú, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Lê Bá Bùi Liêm, sinh năm 1998.

Trú tại: Ấp Thuận Phú 2, xã Thuận Phú, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phùng Thị Hạnh, sinh năm 1946.

Trú tại: Nhà nghỉ Lan Anh - Phường Tân Xuân, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 31/7/2017 bị cáo Lê Anh T đi vào trụ sở UBND xã Thuận Phú lén lút chiếm đoạt 04 điện thoại di động của Lê Bá Bùi Liêm, Th và Nguyễn Văn Ngọc Linh gồm: 01 điện thoại hiệu Oppo, 01 điện thoại hiệu Wiko, 01 điện thoại Iphone 5S, 01 điện thoại Sam sung J5. Sau khi chiếm đoạt xong tài sản nêu trên thì bị cáo về nhà nghỉ Lan Anh thuộc Phường Tân Xuân, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do bà Phùng Thị Hạnh làm chủ để nghỉ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày khi bị cáo T đang ngủ thì bị lực lượng Công an phường Tân Xuân, Thành phố Đồng Xoài kiểm tra hành chính phát hiện điện thoại trộm cắp và lập biên bản thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52 ngày 02/8/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tại thời điểm chiếm đoạt giá trị còn lại của: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1 là 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Wiko màu đen có giá trị là 1.200.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 5S có giá trị là 2.900.000 đồng; 01 điện thoại Sam sung J5 màu vàng có giá trị là 2.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.900.000 đồng.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S;
- 01 điện thoại di động hiệu Wiko màu đen;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng;

- 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đen;
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T1;
- 01 đồng hồ đeo tay màu vàng;
- 01 bóp da màu nâu;
- Số tiền 133.000 đồng.

* Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 529/KL-VPYTW ngày 30/11/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận:

- Về y học: Trước và trong khi gây án đương sự không có bệnh tâm thần. Sau khi gây án và hiện nay đương sự bị bệnh hội chứng Ganser (F44.80-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự trong lúc gây án đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện nay chưa đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Căn cứ kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 510/KLBB-VPYTW ngày 03/9/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận:

Đương sự bị bệnh Ganser (F44.80-ICD.10).

Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 89/CTr-VKS ngày 23/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ Luật hình sự; năm 1999; điểm q,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Lê Anh T mức án bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam và bắt buộc chữa bệnh trước đó.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có bệnh và hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về vật chứng vụ án:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen đã trả lại cho bị hại nên đề nghị không xem xét;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S đã trả lại cho bị hại nên đề nghị không xem xét;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Wiko màu đen đã trả lại cho bị hại nên đề

nghị không xem xét;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng đã trả lại cho bị hại nên đề nghị không xem xét;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đen là của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo;

+ Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T1 đã tách ra xác minh giải quyết sau nên đề nghị không xem xét;

+ Đối với 01 đồng hồ đeo tay màu vàng là của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo;

+ Đối với 01 bóp da màu nâu là của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo;

+ Đối với số tiền 133.000 đồng là tài sản của bị cáo nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy rất ăn năn hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Đ, tỉnh Bình Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản hiện trường; Lời khai của bị cáo; người bị hại; người làm chứng tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, nên ngày 31/7/2017, bị cáo T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 04 điện thoại di động của các bị hại gồm: 01 điện thoại Oppo và 01 điện thoại Wiko của ông Lê Bá Bùi Liêm; 01 điện thoại Iphone 5S của ông Th và 01 điện thoại Sam sung J5 của ông Nguyễn Văn Ngọc L, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.900.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành

vi của mình, bị cáo nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng do bản tính lười lao động, ham muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải lao động vất vả nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi lén lút trộm cắp điện thoại là tài sản của ông Lê Bá Bùi Liêm, Nguyễn Văn Ngọc Linh và Th, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.900.000đồng.

Xét trong quá trình khởi tố, điều tra và truy tố bị cáo có biểu hiện bệnh tâm thần, do đó Cơ quan chức năng đã trưng cầu giám định tâm thần và tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 529/KL-VPYTW ngày 30/11/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: Trước và trong khi gây án đương sự không có bệnh tâm thần. Sau khi gây án và hiện nay đương sự bị bệnh hội chứng Ganser (F44.80-ICD.10). Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự trong lúc gây án đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Do bị cáo có biểu hiện bệnh nên ngày 06/12/2017 Cơ quan chức năng cũng đã có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Tại kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 510/KLBB-VPYTW ngày 03/9/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: Đương sự bị bệnh Ganser (F44.80-ICD.10). Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Xét về nhân thân, bị cáo đã có 04 tiền án, ngày 29/9/2008 bị TAND thị xã M, tỉnh D xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (theo bản án số 166/2008/HSST ngày 29/9/2008) bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, đến ngày 18/8/2009 bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản bị TAND thị xã M, tỉnh D xử phạt 09 tháng tù (theo bản án số 02/2010/HSST ngày 07/01/2010), đến ngày 20/5/2010 bị cáo chấp hành xong bản án chưa được xóa án tích. Ngày 17/8/2010 bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản nên bị bắt tạm giam, ngày 31/8/2010 bị cáo có hành vi “trốn khỏi nơi giam” nên bị TAND thị xã M, tỉnh D xử phạt 02 tội danh, cụ thể: Xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo bản án số 19/2011/HSST ngày 19/11/2011) và xử phạt 05 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” (theo bản án hình sự số 63/2011/HSST ngày 15/3/2011), bị cáo kháng cáo. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 75/2011/HHPT ngày 15/6/2011 của TAND tỉnh D giữ nguyên mức án 05 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” và tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 năm tù, đến ngày 18/12/2016 bị cáo đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Lê Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng điều khoản quy định của pháp luật.

Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 13/5/2008 bị Công an phường Hiệp Thành, thị xã M, tỉnh D xử phạt 100.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng tài sản của người khác và chấp hành pháp luật nhằm răn đe phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo bị bệnh và bắt buộc chữa bệnh; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

Xét thấy trong thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam và bắt buộc chữa bệnh là 03 năm 05 tháng 20 ngày cũng đã đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo, do đó thiết nghĩ không nhất thiết phải tiếp tục xử phạt tù bị cáo mà chỉ cần xử phạt bị cáo bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam và bắt buộc chữa bệnh trước đó nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập, hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Th, Nguyễn Văn Ngọc L và Bùi Lê Bá L1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị H không yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen và 01 điện thoại Wiko màu đen đã trả lại cho bị hại ông Lê Bá Bùi L1, ông L1 không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S đã trả lại cho bị hại ông Th, ông Thành không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Văn Ngọc L, ông L không có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đen; 01 đồng hồ đeo tay màu vàng; 01 bóp da màu nâu là của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo;

- Đối với số tiền 133.000 đồng là tài sản của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên T1, Cơ quan CSĐT đã tách ra xác minh, xử lý sau nên không xem xét;

[9] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 49, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Anh T 03 (ba) năm 05 (năm) tháng 20 (hai mươi) ngày tù (*Bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam và bắt buộc chữa bệnh trước đó*). (Thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2017-05/12/2017 và từ ngày 15/9/2020- 15/01/2021 và bắt buộc chữa bệnh từ ngày 06/12/2017-14/9/2020).

2. Hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đen; 01 đồng hồ đeo tay màu vàng; 01 bóp da màu nâu; Số tiền 133.000 đồng.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (01);
- P. PV 27 CA tỉnh B;
- VKSND huyện Đ (01);
- CC THADS huyện Đ(01);
- CA huyện Đ (03);
- TT lý lịch tư pháp – STP tỉnh B;
- UBND P. H (01);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HSPA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa